

THAM KHẢO KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

► KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

| Trình độ đào tạo | Thời gian đào tạo | Khối lượng học tập toàn khóa (Tín chỉ) | Kiến thức chung | Kiến thức giáo dục chuyên ngành |                        |                        |
|------------------|-------------------|----------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|------------------------|
|                  |                   |                                        |                 | Kiến thức cơ sở ngành           | Kiến thức chuyên ngành | Thực tập và tốt nghiệp |
| Thạc sĩ          | 2 năm             | 60                                     | 18              | 12                              | 15                     | 15                     |

► NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| Số                                                                                     | Mã HP   | Tên học phần                                     | Số tín chỉ | Số tín chỉ |           | Loại HP  |         | Điều kiện |           | Đợt học/ Học kỳ<br>(dự kiến) |
|----------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------|------------|------------|-----------|----------|---------|-----------|-----------|------------------------------|
|                                                                                        |         |                                                  |            | Lý thuyết  | Thực hành | Bắt buộc | Tự chọn | Học trước | Song hành |                              |
| Kiến thức chung: 18TC (8 TC bắt buộc)                                                  |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| 1                                                                                      | KTC7001 | Triết học                                        | 4          | 4          |           | x        |         |           |           | I                            |
| 2                                                                                      | KTC7006 | Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao         | 4          | 4          |           | x        |         |           |           | I                            |
| 3                                                                                      |         | Kỹ thuật xúc tác tiên tiến                       | 2          | 2          |           | x        |         |           |           | I                            |
| 4                                                                                      |         | Hóa lý nâng cao                                  | 2          | 2          |           | x        |         |           |           | I                            |
| 5                                                                                      |         | Hóa hữu cơ nâng cao                              | 3          | 3          |           | x        |         |           |           | I                            |
| 6                                                                                      |         | Hóa phân tích nâng cao                           | 3          | 3          |           | x        |         |           |           | I                            |
| Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 27 TC (trong đó 18 TC bắt buộc và 9 TC tự chọn) |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| Kiến thức cơ sở ngành: 12 TC (trong đó 6 TC bắt buộc, 6 TC tự chọn)                    |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| 7                                                                                      |         | Các phương pháp phân tích hóa lý vật liệu        | 3          | 3          |           | x        |         |           |           | II                           |
| 8                                                                                      |         | Phương pháp cô lập hợp chất hữu cơ               | 3          | 3          |           | x        |         |           |           | II                           |
| 9                                                                                      |         | Hóa học mỹ phẩm                                  | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | II                           |
| 10                                                                                     |         | Tổng hợp hữu cơ nâng cao                         | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | II                           |
| 11                                                                                     |         | Hóa học polymer nâng cao                         | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | II                           |
| 12                                                                                     |         | Hóa lập thể nâng cao                             | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | II                           |
| 13                                                                                     |         | Hóa học phức chất nâng cao                       | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | II                           |
| Kiến thức chuyên ngành: 15 TC (trong đó 9 TC bắt buộc, 6 TC tự chọn)                   |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| 14                                                                                     |         | Xử lý thống kê dữ liệu và ứng dụng trong hóa học | 3          | 3          |           | x        |         |           |           | III                          |
| 15                                                                                     |         | Công nghệ xúc tác tiên tiến trong môi trường     | 3          | 3          |           | x        |         |           |           | III                          |
| 16                                                                                     |         | Công nghệ nano                                   | 3          | 3          |           | x        |         |           |           | III                          |
| Học viên chọn 1 trong 3 mô đun (6 tín chỉ)                                             |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| Mô đun 1: Hóa thực phẩm                                                                |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| 17                                                                                     |         | Thực phẩm chức năng                              | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | III                          |
| 18                                                                                     |         | Quản lý và đảm bảo chất lượng                    | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | III                          |
| Mô đun 2: Hóa dược                                                                     |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| 19                                                                                     |         | Hóa dược và dược liệu học                        | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | III                          |
| 20                                                                                     |         | Hóa sinh nâng cao                                | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | III                          |
| Mô đun 2: Hóa dược                                                                     |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| 21                                                                                     |         | Hợp chất màu hữu cơ                              | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | III                          |
| 22                                                                                     |         | Hóa học xanh nâng cao                            | 3          | 3          |           |          | x       |           |           | III                          |
| Thực tập và tốt nghiệp: 15 TC ( Bắt buộc)                                              |         |                                                  |            |            |           |          |         |           |           |                              |
| 23                                                                                     |         | Thực tập doanh nghiệp                            | 3          |            | 3         |          | x       |           |           | IV                           |
| 24                                                                                     |         | Thực tế chuyên môn trong môi trường quốc tế      | 3          |            | 3         |          | x       |           |           | IV                           |
| 25                                                                                     |         | Đề án tốt nghiệp                                 | 9          |            | 9         |          | x       |           |           | IV                           |
| Tổng khối lượng học tập                                                                |         |                                                  | 60         | 45         | 15        |          |         |           |           |                              |

Lưu ý: Ngoại ngữ, học viên tự tích lũy đạt chuẩn theo Thông tư số 23/2021/TT-BG-ĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thủ Dầu Một.